

Số: 04/KH-THĐX

Đức Xương, ngày 29 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2024- 2025

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;*

*Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Thực hiện theo Quyết định số 2405/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo; thực hiện CV số 1962/SGDĐT-VP, ngày 14/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025;*

*Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2024 – 2025.*

Trường Tiểu học Đức Xương xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2024-2025**

#### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

##### **1.1 Thời cơ**

Huyện Gia Lộc những năm gần đây có tốc độ phát triển kinh tế, xã hội khá mạnh, 100% số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, đã và đang được đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng. Nhiều công ty, doanh nghiệp đang xây dựng, đầu tư, phát triển, thu hút lượng người của các xã vào làm công nhân khá đông. Trình độ dân trí đang dần được nâng cao.

Đối với xã Đức Xương, Đảng, chính quyền, các đoàn thể quan tâm đến các hoạt động giáo dục, Ban đại diện Cha mẹ học sinh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trên mọi hoạt động của nhà trường, phối kết hợp trong việc giáo dục học sinh; động viên thầy trò kịp thời trong mọi hoạt động; hỗ trợ học sinh nhà trường nhiều mặt: tinh thần, vật chất để tu sửa cơ sở vật chất nhà trường.

Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các đồ dùng công nghệ số... Trình độ công nghệ của một số phụ huynh học sinh ngày được nâng cao, có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...thuận lợi phối hợp các lực

lượng cũng như triển khai học các môn liên quan đến công nghệ.

### 1.2 Thách thức

Trên địa bàn xã Đức Xương, nhiều phụ huynh học sinh làm công nhân, làm thêm giờ nhiều không có thời gian chăm sóc giúp đỡ các em.

Nhiều gia đình trong xã, việc dạy và rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ cho con em còn hạn chế.

Vì ở vùng nông thôn nên học sinh ít có điều kiện tiếp xúc với ngoại ngữ và các hoạt động nghệ thuật. Địa phương có rất ít địa điểm để học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và trải nghiệm.

## 2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 - 2025

### 2.1. Tình hình học sinh

Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng		HS KT
Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Học sinh	Lớp	
81	3	114	3	76	3	98	3	94	3	462	15	2

- Số học sinh giảm 27 em so với năm học 2023-2024.

+ Thuận lợi:

Về quy mô: Số lớp học không lớn, nhà trường dễ tổ chức các hoạt động giáo dục.

Số học sinh trên lớp không cao, trung bình 30,3 học sinh/lớp, thuận lợi cho giáo viên trong việc quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục theo nhóm hoặc cả lớp.

+ Khó khăn:

Kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp của nhiều học sinh hạn chế, phát âm lệch chuẩn l/n ... vốn từ ít, nhận biết về tự nhiên còn chậm, không phong phú.

Một số em chưa có thói quen tập trung chú ý trong các hoạt động giáo dục và học tập; chưa biết chủ động thắc mắc, đặt câu hỏi để hỏi thầy cô, bạn bè.....nhiều học sinh chưa thực sự mạnh dạn tự tin trong học tập cũng như trong các hoạt động.

### 2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 23. Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,27

Thông tin chi tiết:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	SL	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ đào tạo			VC	GV HĐ
			Nam	Nữ	≤ 30	31-40	41-50	> 50	CD	ĐH	Sau ĐH		
<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>2</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			<b>2</b>		<b>2</b>	
1.	Hiệu trưởng	1		1			1			1		1	
2.	Phó hiệu trưởng	1		1			1			1		1	
<b>Giáo viên</b>		<b>19</b>	<b>2</b>	<b>17</b>								<b>17</b>	<b>2</b>
1.	GV dạy môn cơ bản	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>6</b>			<b>14</b>		<b>12</b>	<b>2</b>

2.	GV dạy môn chuyên	5	1	4	1	4				5		5	
2.1	Ngoại ngữ	2		2	1	1				2		2	
2.2	Tin học và Công nghệ	1		1		1				1			
2.3	Giáo dục thể chất												
2.4	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1		1		1				1		1	
2.5	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	0		1				1		1	
	<b>Nhân viên</b>	<b>2</b>		<b>2</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		<b>2</b>	
1.	Thư viện, thiết bị, thủ quỹ	1		1		1				1		1	
2.	Văn thư - Kế toán	1		1		1				1		1	
	<b>Tổng</b>	<b>23</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>8</b>			<b>23</b>		<b>21</b>	<b>2</b>

### **Điểm mạnh:**

Trường có quy mô vừa phải, đội ngũ giáo viên trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

Lãnh đạo nhà trường đảm nhận vai trò lãnh đạo một cách vững vàng và tự tin, nhiệt tình, cầu tiến và chăm lo cho hoạt động và sự quá trình phát triển của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương, nhiệt tình trong công việc và có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **Điểm yếu:**

Trường thiếu giáo viên dạy Giáo dục thể chất trong khi số tiết Giáo dục thể chất của toàn trường là 30 tiết/tuần, thiếu GVCN, việc phân công chuyên môn gặp khó khăn.

Trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ giáo viên còn hạn chế. Áp dụng công nghệ số vào giảng dạy còn khó khăn.

Việc tổ chức cho học sinh học tập cá nhân và làm việc theo nhóm, hướng dẫn các hoạt động học tập của học sinh nhằm phát triển các năng lực của cá nhân chưa được giáo viên thực hiện đồng bộ.

### **2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Nhà trường có tổng diện tích là 11.108 m<sup>2</sup>. Các phòng học và phòng chức năng được bố trí hợp lý. Đặc biệt một trường có nhà đa năng phù hợp với các hoạt động trải nghiệm đối với học sinh tiểu học.

Số lượng các hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ như sau:

<b>Hiện trạng</b>	<b>SL</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
<b>Khuôn viên</b>	1	11108
<b>Khối phòng học</b>	10	936
<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>		
- Phòng giáo dục Âm nhạc	1	52
- Nhà đa năng	1	504
- Phòng tin học	1	52
- Thư viện	5	1 kho (36), 1 đọc HS (56), 1 đọc GV (56), Thiết bị (56) Thư viện thân

		thiện (340)
- Phòng thiết bị giáo dục	1	54
- Phòng HĐ Đội	1	18
- Phòng khoa học, công nghệ	1	100 (Chung với phòng nghỉ HS)
<b>Khối phòng hành chính</b>		
- Phòng Hiệu trưởng	1	36
- Phòng Phó Hiệu trưởng	1	36
- Phòng họp (phòng hội đồng)	1	52
- Phòng giáo viên	0	0
- Văn phòng (văn thư – kế toán)	1	18
- Phòng Y tế	1	20
- Phòng bảo vệ	1	20
- Bếp ăn bán trú	1	20
- Kho bán trú	1	20
- Phòng ăn bán trú	3	210 (1 phòng ăn riêng rộng 108 m <sup>2</sup> , 2 phòng ăn chung với phòng học)
- Phòng nghỉ bán trú	3	204 (1 phòng ngủ riêng rộng 100 m <sup>2</sup> , 2 phòng ngủ chung với phòng học Khoa học, công nghệ, Tiếng Anh và phòng đọc HS)
<b>Công trình phụ trợ</b>		
- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	2	30
- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	2	60
- Cổng, tường rào	1	
- Hệ thống nước sạch	1	
- Sân chơi	1	3900
<b>Công trình thể thao</b>		
- Bể bơi	0	
- Sân thể thao	1	300
- Bộ vận động ngoài trời	1	
<b>Thiết bị dạy học hiện đại</b>		
- Bảng tương tác	1	Đã hỏng
- Máy tính	15	
- Tivi, máy chiếu	18	

### **Thuận lợi:**

Trường có đủ hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo điều kiện dạy học 2 buổi/ngày: Khối phòng hành chính quản trị đủ phòng làm việc và phương tiện; Khối phòng học có đủ số phòng học cho 1 lớp/ phòng, phòng học có đủ đồ dùng cơ bản để phục vụ các hoạt động dạy học, có bảng viết, bàn ghế đảm bảo theo quy chuẩn. Có phòng học bộ môn Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc.

Thư viện được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu phục vụ cho hoạt động dạy và học; Khu thư viện thân thiện, đẹp và thuận tiện cho học sinh, giáo viên thường xuyên đọc báo, truyện, nghiên cứu tài liệu chuyên môn hàng ngày.

- Có đường truyền Internet tới các lớp học, lớp học được trang bị thiết bị dạy học

hiện đại như ti vi, GV tự trang bị máy tính xách tay.

**Khó khăn:**

- Phòng Tin học có 11 máy tính, nhiều máy đã cũ, không sử dụng được. Hệ thống mạng, đường truyền tới các lớp còn yếu.

- Các phòng trong khối hỗ trợ học tập còn nhỏ hẹp, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động đã cũ, hỏng, sử dụng kém hiệu quả. Còn thiếu phòng tư vấn học đường.

- Các phòng trong khối phụ trợ và phối phục vụ sinh hoạt chưa đầy đủ (chưa có phòng nghỉ cho giáo viên).

**3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

- **Chương trình:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông).

- **Tài liệu dạy học:** Nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong danh mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT, của UBND tỉnh Hải Dương.

Cụ thể:

TT	TÊN SÁCH	Bộ sách	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
2.	Toán 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
3.	Đạo đức 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
4.	TNXH 1,2,3	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
5.	Khoa học 4	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
6.	Khoa học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
7.	Lịch sử&Địa lý 4	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
8.	Lịch sử&Địa lý 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
9.	Giáo dục thể chất 1,2,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
	Giáo dục thể chất 3	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
10.	Âm nhạc 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
11.	Mĩ thuật 1,2,3,4,5	Chân trời sáng tạo	Nhà XBGD Việt Nam
12.	Hoạt động trải nghiệm 1,2,3,4	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
13.	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
14.	Tin học 3,4,5	Tin học 3, 4 (Tổng Chủ biên: Lê Khắc Thành)	Nhà xuất bản Đại học Vinh
15.	Công nghệ 3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
16.	Tiếng Anh 3	Wonderful world	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh

17.	Tiếng Anh 4,5	Global Success	NXB Giáo dục VN
18.	Tài liệu GD ĐP	Sở GD&ĐT Hải Dương biên tập	

**- Tổ chức hoạt động trải nghiệm:**

+ Mỗi tuần thực hiện 01 tiết HĐTN (chào cờ) vào sáng thứ hai, và một tiết HĐTN (SHL) tổng cộng 70 tiết.

+ Day hoạt động giáo dục theo chủ đề theo SGK HĐTN (xếp theo thời khóa biểu) tổng cộng 35 tiết.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể theo chủ đề tháng.

**- Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương:**

+ Tổ chức dạy giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong một số môn học và hoạt động giáo dục. Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

+ Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương. Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu do Sở GD&ĐT Hải Dương biên soạn.

- **Giáo dục STEM** : Triển khai ở tất cả các khối lớp theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học. Thời lượng thực hiện giáo dục STEM tối thiểu 01 chủ đề/học kỳ/khối lớp.

- Tiết đọc, tiết học thư viện: Đưa tiết đọc tại thư viện vào chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo tối thiểu 02 tiết/học kỳ/lớp; tiết học tại thư viện bảo đảm tối thiểu 01 tiết/học kỳ/môn học.

- **Giáo dục kỹ năng công dân số**: thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

## II – MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

### 1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học<sup>1</sup>; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục

trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

## 2. Chỉ tiêu cụ thể

*(Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học – Không tính học sinh khuyết tật)*

Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Đức Xương phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

Chất lượng giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	số lượng	Tỉ lệ (%)
<b>I. Các môn học và hoạt động giáo dục</b>												
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt	42	51,2	64	57,1	36	47,3	50	50,5	48	51,6		
Hoàn thành	40	48,8	48	42,9	40	52,7	49	49,5	45	48,4		
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
<b>2. Toán</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt	42	51,2	64	57,1	36	47,3	50	50,5	48	51,6		
Hoàn thành	40	48,8	48	42,9	40	52,7	49	49,5	45	48,4		
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
<b>3. Đạo đức</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt	45	54,9	70	62,5	41	54,0	55	55,6	50	53,7		
Hoàn thành	37	45,1	42	37,5	35	46,0	44	44,4	43	46,3		
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
<b>4. TN và XH</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>						
Hoàn thành tốt	45	54,9	68	60,7	41	54,0						
Hoàn thành	37	45,1	44	39,3	35	46,0						
Chưa HT	0	0	0	0	0	0						
<b>5. Khoa học</b>							<b>76</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt							41	54,0	48	51,6		
Hoàn thành							35	46,0	45	48,4		
Chưa HT							0	0	0	0		
<b>6. LS&amp;ĐL</b>							<b>76</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt							41	54,0	48	51,6		
Hoàn thành							35	46,0	45	48,4		
Chưa HT							0	0	0	0		
<b>7. GD thể chất</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành tốt	45	54,9	70	62,5	36	47,3	50	50,5	50	53,7		

Hoàn thành	37	45,1	42	37,5	40	52,7	49	49,5	43	46,3			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>8. Âm nhạc</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt	45	54,9	64	57,1	36	47,3	50	50,5	50	53,7			
Hoàn thành	37	45,1	48	42,9	40	52,7	49	49,5	43	46,3			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>9. Mĩ thuật</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt	45	54,9	64	57,1	36	47,3	50	50,5	50	53,7			
Hoàn thành	37	45,1	48	42,9	40	52,7	49	49,5	43	46,3			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>10. Tiếng Anh</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt	45	54,9	60	53,5	36	47,3	50	50,5	48	51,6			
Hoàn thành	37	45,1	52	46,5	40	52,7	49	49,5	45	48,4			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>11. Tin học</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt	45	54,9	60	53,5	36	47,3	52	52,5	48	51,6			
Hoàn thành	37	45,1	52	46,5	40	52,7	47	47,5	45	48,4			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>12. Công nghệ</b>					<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt					36	47,3	52	52,5	50	53,7			
Hoàn thành					40	52,7	47	47,5	43	46,3			
Chưa HT					0	0	0	0	0	0			
<b>13. HĐTN</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>			
Hoàn thành tốt	45	54,9	68	60,7	41	54,0	57	57,5	50	53,7			
Hoàn thành	37	45,1	44	39,3	35	46,0	42	42,5	43	46,3			
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
<b>II. Phẩm chất chủ yếu</b>													
Yêu nước		<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
	Tốt	48	58,5	68	60,7	41	54,0	57	57,5	65	69,8		
	Đạt	34	41,5	44	39,3	35	46,0	42	42,5	28	30,2		
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Nhân ái		<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
	Tốt	48	58,5	68	60,7	41	54,0	57	57,5	65	69,8		
	Đạt	34	41,5	44	39,3	35	46,0	42	42,5	28	30,2		
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Chăm chỉ		<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
	Tốt	48	58,5	68	60,7	41	54,0	57	57,5	65	69,8		
	Đạt	34	41,5	44	39,3	35	46,0	42	42,5	28	30,2		
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Trung thực		<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
	Tốt	48	58,5	68	60,7	41	54,0	57	57,5	65	69,8		





<b>IV. Xếp loại GD</b>												
<b>Tổng số</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
<b>HT xuất sắc</b>	42	<b>51,2</b>	64	<b>57,1</b>	36	<b>47,3</b>	50	<b>50,5</b>	48	<b>51,6</b>		
<b>HT tốt</b>	6	7,3	29	25,8	5	6,6	37	37,4	6	6,4		
<b>Hoàn thành</b>	34	41,5	19	17,1	35	46,1	12	12,1	41	42,0		
<b>Chợa HT</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	0	<b>0</b>	0	<b>0</b>	0	<b>0</b>		
<b>IV. Khen thưởng</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
<b>HS Xuất sắc</b>	42	51,2	64	57,1	36	47,3	50	50,5	48	51,6		
<b>HS Tiêu biểu</b>	6	7,3	29	25,8	5	6,6	5	5,1	6	6,4		
<b>V. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCT tiểu học</b>												
<b>Tổng số</b>	<b>82</b>	<b>100</b>	<b>112</b>	<b>100</b>	<b>76</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>93</b>	<b>100</b>		
Hoàn thành	82	100	112	100	76	100	99	100	93	100		
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

### III. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

#### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HK II	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
<b>1. Môn học bắt buộc</b>																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34
6	LS-DL										70	36	34	70	36	34
7	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	40	2	68
11	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
12	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
<b>2. Môn học tự chọn</b>																
1	Tiếng Anh	34		34	34		34									
2	Tin học	35	18	17	35	18	17									
<b>3. Hoạt động củng cố, tăng cường</b>																
1	Tăng cường Tiếng Việt	88	54	34	88	54	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
2	Tăng cường Toán	88	54	34	88	54	34	35	18	7	70	36	34	70	36	34

3	Tăng cường HĐTN	35	18	17	35	18	7	35	18	7	35	18	7	35	18	7
4	Tăng cường Âm nhạc	35	18	17	35	18	7									
5	Tăng cường MT	35	18	17	35	18	7	35	18	7						
<b>Tổng</b>		1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595	1225	630	595

## 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Ngời thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2024	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học mới	Tập trung	5/9/2024	Toàn trường	CMHS
		Vui Tết Trung thu	Tập trung	17/9/2024	TPT, GVCN - HS	CMHS
		Tuyên truyền, phát động tháng ATGT	Theo lớp	Có tiết riêng và lồng ghép trong các tiết HĐTT, HĐTN	TPT, GV-HS	Đoàn TN
Tháng 10/2024	Chăm ngoan, học tốt	Tuyên truyền, phát động tháng ATGT	Theo lớp	Có tiết riêng và lồng ghép trong các tiết HĐTT, HĐTN	TPT, GV-HS	Đoàn TN
		Phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường.	Tập trung	7/10/2024	Toàn trường trong giờ HĐTN cuối tuần	
		HS viết, vẽ thể hiện tình cảm với bà, với mẹ	Theo lớp	Lồng ghép trong tiết HĐTN, Âm nhạc, Mĩ thuật	GV-HS	Đoàn TN
Tháng 11/2024	Yêu quý thầy cô giáo	Liên hoan văn nghệ	Tập trung	18/11/2024	Toàn trường	CMHS
Tháng 12/2024	Uống nước nhớ nguồn	Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	20/12/2024	Toàn trường	CMHS
Tháng 01/2025	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.	Tìm hiểu ngày Tết quê em	Theo lớp	17/ 1/2025	TPT, GVCN, HS	CMHS
Tháng	Mùng Đàng -	Trồng cây	Tập	03/2/2025	TPT,	CMHS

02/2025	Mừng xuân		trung		GVCN, HS	
Tháng 3/2025	Thiếu nhi vui – khỏe	Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe Ngày hội công nhận chuyên hiệu Đội viên	Tập trung  Tập trung	26/03/2025	Toàn trường  Toàn liên đội	CMHS, Đoàn TN xã
Tháng 4/2025	Ngày hội non sông	Ngày Hội đọc sách	Theo lớp	18/4/2025	Toàn trường	CMHS, NVTV
Tháng 5/2025	Bác Hồ kính yêu	Tổ chức sinh hoạt giao lưu tìm hiểu về Đội; Thi kể chuyện về Bác Hồ	Theo lớp	1/5- 15/5/2025	TPT, GVCN, HS	NVTV

## 2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	7h - 7 h15'	Tại lớp	HS quản, TPT, GVTV theo dõi
2	Hoạt động giữa buổi học	Tập thể dục, múa hát, nhảy dân vũ..	Toàn trường	Vào giờ ra chơi giữa buổi sáng	Tại sân trường	
3	Bán trú	Vệ sinh cá nhân	HS bán trú	10h30'-11h'	Khu vệ sinh	
		Ăn trưa	HS bán trú	11h -11h45'	Nhà ăn	
		Nghỉ ngơi sau ăn	HS bán trú	11h45'–12h	Phòng ngủ	
		Ngủ trưa	HS bán trú	12h -13h15'	Phòng ngủ	
		Vui chơi, đọc sách...	HS bán trú	13h15'-13h45	Thư viện thân thiện	
4	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	13 h45' - 14h	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTV theo dõi
5	Sinh hoạt câu lạc bộ	Tập thể dục thể thao, múa, hát, nhảy, rèn kỹ năng Tiếng Anh, Tin học, Mĩ thuật, Bóng đá, ...	Theo nhóm	16h20– 17h20	Sân trường, nhà tập, phòng học bộ môn	

## 3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

### 3.1 Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025

Thực hiện theo Quyết định số 2405/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2024 của Bộ giáo

đục và đào tạo; thực hiện CV số 1962/SGDĐT-VP, ngày 14/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025. Cụ thể đối với cấp tiểu học:

Ngày tựu trường: 22/8/2024 (đối với khối lớp 1); 29/8/2024 (lớp 2,3,4,5).

Ngày khai giảng: 5/9/2024

Học kỳ 1: Từ ngày 5/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025.

Học kỳ 2: Hoàn thành và kết thúc năm học trước 31/5/2025

Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2025

Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026 trước ngày 31/7/2025

Thời gian thực hiện chương trình cụ thể từng tuần như sau:

HK	Tháng	Tuần	Ngày trong tuần	Các ngày sinh hoạt tập thể và các ngày nghỉ Lễ, Tết	Số buổi học
Học kỳ I	9/2024	1	5/9 - 13/9/2024	Khai giảng (sáng thứ Năm ngày 5/9),	13 buổi
		2	16/9 - 20/9	Tết Trung thu (chiều thứ ba 17/9)	9 buổi
		3	23/9 - 27/9		10 buổi
	10/2024	4	30/9 - 4/10		10 buổi
		5	7/10 - 11/10		10 buổi
		6	14/10 - 18/10		10 buổi
		7	21/10 - 25/10	Tổ chức HĐGD: Chuyên đề về phòng chống thương tích và bạo lực học đường (chiều 25/10)	10 buổi
		8	28/10 - 1/11		10 buổi
	11/2024	9	4/11 - 8/11		10 buổi
		10	11/11 - 15/11		10 buổi
		11	18/11 - 22/11	Tổ chức HĐGD chào mừng Ngày Nhà giáo VN (Thứ Tư 20/11)	8 buổi
		12	25/11 - 29/11		10 buổi
	12/2024	13	2/12 - 6/12		10 buổi
		14	9/12 - 13/12		10 buổi
		15	16/12 - 20/12	Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng (chiều thứ sáu 20/12)	10 buổi
		16	23/12 - 27/12		
	01/2025	17	30/12 - 3/1/2025	Nghỉ Tết Dương lịch (thứ tư)	8 buổi
18		6/1 - 10/1		10 buổi	
Tuần đệm		13/01 - 17/01/2025	Kết thúc HK1 trước 18/1	10 buổi	
Học kỳ II		19	20/01 - 24/01	Học kỳ 2 từ 20/1	10 buổi
		Nghỉ tết ND	27/01 - 02/02	Dự kiến nghỉ Tết Nguyên đán từ thứ Năm ngày 27/1/2025 (28/12 ÂL) đến 2/2 (Mùng 5 Tết)	

02/2025	20	03/02 - 7/02		10 buổi
	21	10/02 - 14/02		10 buổi
	22	17/02 - 21/02		10 buổi
	23	25/02 - 28/02		10 buổi
3/2025	24	03/03 - 7/03		10 buổi
	25	10/03 - 14/3		10 buổi
	26	17/3- 21/3		10 buổi
	27	24/3 - 28/3	Tổ chức Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe (chiều thứ Tư 26/3)	10 buổi
4/2025	28	31/3 – 4/4		10 buổi
	29	7/4 - 11/4	Nghỉ Giỗ Tổ (Thứ hai)	8 buổi
	30	14/4 - 18/4		10 buổi
	31	21/4 - 25/4		10 buổi
	32	28/4 - 2/5	Nghỉ thứ ba, thứ tư Lễ chiến thắng	6 buổi
5/2025	33	5/5 - 9/5		10 buổi
	34	12/5 - 16/5		10 buổi
	35	19/5 – 23/5		10 buổi
		24/5 - 25/5	Học bù chương trình	4 buổi
		29/5 - 31/5	Tổng kết năm học	1225 (tiết)

### 3.2 Số lượng tiết học và Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

#### 3.2.1 Lớp 1:

##### a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

##### Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1		
		Tổng	HKI	HKII
1	Tiếng Việt	420	216	204
2	Toán	105	54	51
3	Đạo đức	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
7	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51
<b>Môn học tự chọn</b>				
8	Tiếng Anh (Tự chọn)	34		34
2	Tin học (Tự chọn)	35	18	17
<b>Hoạt động củng cố, tăng cường</b>				
9	HĐTN tăng	35	18	17
11	Tăng cường Tiếng Việt	88	54	34

12	Tăng cường Toán	88	54	34
13	Tăng cường Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
16	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học	
17	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn	
18	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2023, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5	
<b>Tổng</b>		1225	630	595

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

### 3.2.2 Lớp 2:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

#### Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 2		
		Tổng	HKI	HKII
1	Tiếng Việt	350	180	170
2	Toán	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
7	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51
<b>Môn học tự chọn</b>				
8	Tiếng Anh (Tự chọn)	70		34
9	Tin học (Tự chọn)	35	18	17
<b>Hoạt động củng cố, tăng cường</b>				
10	HĐTN tăng	35	18	17
11	Tăng cường Tiếng Việt	88	54	34
12	Tăng cường Toán	88	54	34
13	Tăng cường Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
14	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học	

15	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn	
	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2025, 10/3 ÂL, 30/4,1/5	
<b>Tổng</b>		1225	630	595

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

### 3.2.3 Lớp 3

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

#### Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 3		
		Tổng	HKI	HKII
1	Tiếng Việt	245	126	119
2	Toán	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17
4	Tự nhiên và xã hội	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
7	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51
8	Tin học	35	18	17
9	Công nghệ	35	18	17
10	Tiếng Anh	140	72	68
<b>a2. Hoạt động củng cố, tăng cường</b>				
11	HĐTN tăng	35	18	17
12	Tăng cường Tiếng Việt	105	54	51
13	Tăng cường Toán	70	36	34
14	Tăng cường Nghệ thuật (Mỹ thuật)	35	18	17
15	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học	
16	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn	
17	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2025, 10/3 ÂL, 30/4,1/5	
<b>Tổng</b>		1225	630	595

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)



### 3.2.4. Lớp 4

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 4		
		Tổng	HKI	HKII
1	Tiếng Việt	245	126	119
2	Toán	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17
4	Lịch sử và Địa lí	70	36	34
4	Khoa học	70	36	34
5	Giáo dục thể chất	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34
7	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51
8	Tin học	35	18	17
9	Công nghệ	35	18	17
10	Tiếng Anh	140	72	68
<b>Hoạt động củng cố, tăng cường</b>				
11	HĐTN tăng	35	18	17
12	Tăng cường Tiếng Việt	70	36	34
13	Tăng cường Toán	70	36	34
14	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học	
15	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn	
16	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2025, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5	
<b>Tổng</b>		1225	630	595

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo)

### 3.2.5. Lớp 5:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

**Môn học/ hoạt động giáo dục bắt buộc**

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 4, 5		
		Tổng	HKI	HKII
1	Tiếng Việt	245	126	119
2	Toán	175	90	85

3	Đạo đức	35	18	17
4	Khoa học	70	36	34
5	Lịch sử và Địa lí	70	36	34
6	GDTC	70	36	34
7	Âm nhạc	35	18	17
8	Mĩ thuật	35	18	17
9	Công nghệ	35	18	17
10	HĐTN	70	36	34
11	Tiếng Anh	140	72	68
12	Tin học	35	18	7
<b>Hoạt động củng cố, tăng cường</b>				
13	Tăng cường HĐTN	35	18	17
14	Tăng cường TV	70	36	34
15	Tăng cường Toán	70	36	34
16	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học	
17	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn	
18	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2025, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5	
<b>Tổng</b>		1225	630	595

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo)

#### **IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Đổi mới quản lí, quản trị trường học**

- Triển khai, thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản, chính sách, pháp luật về GDTH theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT, các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa chủ trương của tỉnh, hướng dẫn của Sở, phòng GDĐT về phát triển GDTH;

- Tham mưu bảo đảm các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng xã hội và cha mẹ học sinh để thực hiện giáo dục học sinh;

- Chủ động, linh hoạt trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, phân công chuyên môn, xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động, quy chế chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị;

- Đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số vào công tác quản lí, tổ chức các hoạt động trong nhà trường;

- Thực hiện đúng các quy định về quản lí tài chính, đảm bảo dân chủ, minh bạch, công khai, đúng quy định.

- Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong mọi hoạt động của đơn vị, gắn trách nhiệm cho từng cá nhân;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDTH, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV, NV và cha mẹ học sinh về các nhiệm vụ, hoạt động giáo dục của nhà trường, thu hút và tăng cường các nguồn lực chăm lo sự nghiệp giáo dục của nhà trường;

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế, tổ chức áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến,...);

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường.

**2. Công tác xây dựng đội ngũ** (đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý; tập trung vào nâng cao năng lực trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cho đội ngũ ...)

- Thực hiện phân công chuyên môn hợp lý cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đúng người, đúng việc, kết hợp hài hòa các lợi ích, tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các cá nhân và tổ chuyên môn.

- Tăng cường các hình thức tự bồi dưỡng thông qua việc đọc và nghiên cứu tài liệu tham khảo, dự giờ, học tập kinh nghiệm, viết và áp dụng sáng kiến. Khuyến khích giáo viên tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt của Tổ chuyên môn bằng cách đa dạng hóa nội dung hình thức tổ chức. Chỉ đạo sâu sát các Tổ CM thực hiện sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học. Đưa sinh hoạt chuyên môn trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho giáo viên trong hoạt động dạy học, kịp thời tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề cấp trường và tham gia chuyên đề cấp cụm cấp huyện, tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên.

**3. Tăng cường CSVC; làm tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, phổ cập GDTH**

- Tiết kiệm các khoản chi trong và ngoài ngân sách để mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục học sinh, thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tích cực tham mưu với địa phương và các cấp lãnh đạo để mở rộng khuôn viên, xây nhà đa năng, xây thêm phòng học bộ môn, các phòng làm việc để đảm bảo các yêu cầu trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Huy động các nguồn lực, làm tốt công tác vận động tài trợ để sửa chữa hệ thống điện, nước, cửa... các lớp học, lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp cấp hệ thống mạng Internet cho các lớp học và phòng học bộ môn, sửa chữa máy vi tính phòng Tin học....

- Tăng cường tuyên truyền với các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân trong xã về mục tiêu phấn đấu thực hiện chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học của huyện đề ra. Coi trọng việc vận động trẻ đi học đặc biệt là trẻ khuyết tật, giúp cho mọi giáo viên hiểu được trẻ khuyết tật ra học hoà nhập là trách nhiệm của các giáo viên trong toàn trường.

- Phối hợp với trường mầm non, trường THCS, trường thôn để làm tốt công tác điều tra tại khu dân cư được phân công.

**4. Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện** (gắn với các nhiệm vụ năm học và chiến lược phát triển giáo dục nhà trường)

- Tổ chức cho 100% các lớp học 2 buổi/ngày, xây dựng các tiết tăng cường và các hoạt động giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy và hình thức dạy học học theo định hướng phát triển năng lực học sinh; khuyến khích giáo viên sử dụng các phần mềm dạy học, tạo hứng thú cho HS trong các tiết học. Chú trọng giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho HS. Riêng HS lớp 4, 5 cần cho các em kỹ năng tự ghi bài và biết cách tự học để chuẩn bị tiếp cận với phương pháp học của lớp 6.

- Sử dụng tối đa và có hiệu quả các đồ dùng dạy học hiện có; phát động GV và HS làm và sử dụng đồ dùng dạy học đơn giản bằng vật liệu sẵn có ở địa phương để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt Đội, Sao nhi đồng... tạo được nhiều sân chơi trí tuệ theo phương châm "Học mà vui, vui mà học" cho HS. Phối hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục: Nhà trường - Gia đình - Xã hội để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội, các dịch bệnh, nâng cao sức khỏe, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục phòng tránh tai nạn đuối nước, phối hợp dạy bơi cho HS.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và giúp đỡ, hướng dẫn HS còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng, chưa hoàn thành môn học.

- Tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

**5. Tổ chức các phong trào thi đua; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; xây dựng trường học hạnh phúc,...**

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, thực hiện nghiêm túc các văn bản về thi đua khen thưởng đến cán bộ, giáo viên và người lao động.

- Nhà trường phối hợp cùng BCH công đoàn thường xuyên phát động thi đua động viên cán bộ giáo viên nhân viên tích cực tự giác tham gia đạt kết quả cao các phong trào hoạt động chung của nhà trường, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và nhiệm vụ được giao cho từng cá nhân.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá xếp loại sau mỗi học kỳ, công tác thi đua cuối học kỳ của tập thể trường, các tổ và CBGV NV căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công của tổ và cá nhân theo hướng dẫn thi đua chung của luật thi đua khen thưởng.

- Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai trong thi đua, tạo sự khuyến khích động viên kịp thời những cá nhân, tập thể tích cực. Tổ chức đánh giá, xét các danh hiệu thi đua cuối năm theo đúng quy định.

- Làm tốt công tác truyền thông : chỉ đạo giáo viên viết, đưa tin bài với các nội dung phong phú phản ánh các hoạt động nhằm quảng bá hình ảnh của nhà trường và chia sẻ học tập kinh nghiệm với trường bạn; phối hợp chặt chẽ với cơ quan báo đài địa phương tuyên truyền về các nhiệm vụ, hoạt động của ngành, của nhà trường; tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thận trọng khi sử dụng mạng xã hội và việc kiểm chứng thông tin. Làm tốt công tác quản lý thông tin, không phát tán, chia sẻ những thông tin chưa được kiểm duyệt gây ảnh hưởng đến ngành, nhà trường và địa phương.

- Huy động các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường với các hình thức đa dạng, thiết thực, hiệu quả. Phối hợp với cha mẹ học sinh, các đoàn thể và chính quyền địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Làm tốt các cuộc họp CMHS, tuyên truyền những hoạt động, kết quả giáo dục của trường để CMHS hiểu và chia sẻ, đồng thuận với nhà trường; phối hợp chặt chẽ với đài phát thanh xã kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của nhân dân.

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp tất cả các khối lớp.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

## **2. Phó Hiệu trưởng**

Giúp hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

## **3. Tổ trưởng chuyên môn**

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với các khối lớp.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

## **4. Giáo viên**

- Nghiên cứu kỹ CT GDPT 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy (căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; sách giáo khoa, thiết bị dạy học) phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục theo chương trình. Phối hợp với nhà trường, Tổng phụ trách Đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

- Thực hiện đánh giá học sinh theo quy định. Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

## **5. Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

## **6. Nhân viên thư viện, thiết bị**

Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 của Trường Tiểu học Đức Xương. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./.

*Nơi nhận*

- Phòng GDĐT (để phê duyệt)
- CB, GV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đinh Thị Hương**

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Đức Toàn**